

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02107**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Kỹ năng mềm**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454801020675	Nguyễn Lê Hoàng Gia	Bảo	19/11/2008			8	9	7.0	8.0			6.8		7.2
2	2454801020676	Nguyễn Đức	Duy	11/06/2009			9	8	7.0	8.0			5.5		6.4
3	2454801020677	Trần Quốc	Đạt	26/09/2009			8	7	8.0	7.0			5.0		6.0
4	2454801020678	Nguyễn Phan Hải	Đăng	07/01/2009			8	9	7.0	8.0			5.0		6.1
5	2454801020679	Huỳnh Thanh	Hiếu	23/10/2009			8	8	6.0	8.0			5.0		5.9
6	2454801020680	Nguyễn Xuân	Huy	28/10/2009			8	7	7.0	7.0			5.0		5.9
7	2454801020681	Lâm Quốc	Khang	25/06/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
8	2454801020682	Trần Đào Minh	Khang	28/04/2009			8	9	7.0	8.0			5.8		6.6
9	2454801020683	Bảnh Anh	Khoa	17/03/2009			8	7	5.0	7.0			2.5		4.1
10	2454801020684	Trần Trung	Kiên	31/12/2009			6	7	7.0	8.0			5.0		5.9
11	2454801020685	Ab Douk Sa	Lam	29/09/2009			8	7	7.0	8.0			5.3		6.2
12	2454801020686	Du Hoàng	Lực	13/10/2009			8	8	8.0	8.0			6.5		7.1
13	2454801020687	Ha Sal Pha Ha	My	21/04/2009			8	7	7.0	7.0			6.3		6.6
14	2454801020688	Duy Hoàng	Nam	30/11/2009			10	9	9.0	9.0			6.5		7.6
15	2454801020689	Nguyễn Quốc	Nam	09/05/2009			8	7	8.0	7.0			6.0		6.6
16	2454801020690	Nguyễn Văn	Nam	11/09/2009			8	9	7.0	9.0			5.0		6.3
17	2454801020691	Bùi Phước	Nguyên	26/04/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
18	2454801020692	Nguyễn Phúc	Nguyên	07/02/2009			8	9	8.0	8.0			6.5		7.2
19	2454801020693	Thái Công	Nguyên	28/10/2009			9	8	8.0	9.0			8.3		8.4
20	2454801020694	Lê Quang	Nhật	19/10/2009			8	8	8.0	9.0			7.5		7.8
21	2454801020695	Nguyễn Chế Minh	Phát	24/05/2009			8	8	7.0	8.0			5.0		6.1
22	2454801020696	Trần Minh	Phúc	07/11/2008			8	8	6.0	8.0			3.5		5.0
23	2454801020697	Mohamad	Salêh	21/10/2007			8	8	7.0	8.0			7.8		7.7
24	2454801020698	Lê Hoàng	Sang	04/04/2002			10	6	9.0	7.0			9.5		8.9
25	2454801020699	Nguyễn Tiến	Sang	01/05/2009			7	8	8.0	8.0			9.0		8.5
26	2454801020700	Đỗ Nguyễn Viết	Thanh	28/03/2009			8	8	7.0	8.0			5.0		6.1
27	2454801020701	Huỳnh Quốc	Thạo	07/09/2009			8	6	7.0	7.0			9.8		8.7
28	2454801020702	Nguyễn Lê	Thông	24/06/2009			8	8	7.0	8.0			7.8		7.7
29	2454801020703	Nguyễn Huỳnh Chí	Tinh	07/09/2008			8	9	7.0	9.0			5.0		6.3
30	2454801020704	Hồ Khai	Trí	03/05/2009			8	8	7.0	8.0			2.0		4.3
31	2454801020705	Vương Quan	Trí	12/11/2009			8	6	8.0	7.0			5.0		5.9
32	2454801020706	Đặng Minh	Triết	15/01/2008			8	8	8.0	8.0			5.0		6.2
33	2454801020707	Lý Thiên	Tuấn	28/06/2009			6	9	8.0	9.0			5.5		6.6
34	2454801020708	Võ Thanh	Văn	25/12/2009			8	8	8.0	7.0			5.0		6.1
35	2454801020709	Nguyễn Quang	Vinh	26/01/2009			8	8	7.0	8.0			5.0		6.1

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 10 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trương Quốc Bình